

Henriette BÙI QUANG CHIÊU (1906-2012)

.....
..... **Tin bu^{ổi}n**

Chúng tôi đ^ăc tin n^ă b^{ác} sⁱ

.....
..... **Henriette Bùi Quang Chiêu**

đã t^ỷ tr^{òn} ngày 27.4.2012 t^ỷ Paris, th^ứ 105 tu^{ổi}.

L^ú tang s^ẽ c^ó hành vào lúc 10g30 sáng th^ứ năm 10.5.2012 t^ỷ Phòng l^òn Đài h^àa
táng nghĩa trang Père-Lachaise (Paris 20).

Đi^{ều}n Đàn xin thành th^{ık}c chia bu^{ổi}n v^{ới} i tang
quy^{ết}n.

Henriette Bùi Quang Chiêu
(trích Bách khoa toàn th^ứ Wikipedia)

Henriette Bùi Quang Chiêu (1906-2012) là m^{ột} n^ă b^{ác} sⁱ ng^ăo i Vi^tt. Bà đ^ăc bi^{ết} đ^ăn là n^ă b^{ác}
sⁱ đ^ău ti^ên c^a Vi^t Nam.[1]

Thân th^ử

Bà sinh ngày 8 tháng 9 năm 1906, là con gái thứ trong một gia đình người Việt giàu có mang họ Cử tách Pháp ở Nam Kỳ. Thân phụ của bà là Nghề viên Bùi Quang Chiêu, một chính khách có tiếng ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc. Thân mẫu bà là Võ Thị Y, thuộc một gia đình giàu có người gốc Hoa.[2]

Tuy nguyên quán ở trong Nam, bà là con gái sinh ra ở Hà Nội và lớn lên ở Sài Gòn. Thuở nhỏ, bà học Trung St Paul de Chartres, trước Trung Nhà Trung học ở Sài Gòn.

Năm 1915, bà thi đậu cấp và đỗ bằng Certificat sốm 2 năm. Sau đó, bà vào học trường Collège des Jeunes Filles, sau là Lycée Marie Curie.

Bà sang Pháp du học năm 15 tuổi. Một năm sau đó, thân mẫu bà qua đời vì bệnh lao phổi. Có lẽ điều này càng củng thêm nỗi buồn vĩnh hằng theo ngành y của bà. Việt học của bà bị gián đoạn một năm vì bệnh đau mắt (trachoma), tuy nhiên đến năm 1926, bà cũng tốt nghiệp bằng trung học tại Lycée Fenelon ở Paris.

Y nghiệp



**Bà là người thi y nữ làm trưởng sảnh
cho Trường Đời học Y khoa Sài Gòn, nay
nằm trong khuôn viên Bảo tàng Chứng
tích chiến tranh**

Năm 1927, bà theo học Đời học Y khoa Paris (tiếng Pháp: Faculté de Médecine de Paris) thuộc Đời học Paris. Là phu nhân người Việt, số thời gian dài là bà trong trường chuyên môn ở Pháp là một bối cảnh đặc biệt trong lịch sử giáo dục chính quyền Pháp thời bấy giờ. Cũng trong thời gian học tại Đời học Paris, bà quen biết với nhiều người Việt đang học tại đây, đặc biệt là một sinh viên trẻ đang theo học ngành y khoa là Nguyễn Ngọc Bích, con trai Đời học phu sỹ Nguyễn Ngọc Tường.

Năm 1934, bà bắt đầu làm việc tại Bệnh viện Quốc tế Sài Gòn, đảm nhận công việc giám khâm khen ngợi và tặng thưởng huy chương. Khi trở về Việt Nam năm 1935 bà nhậm chức trưởng khoa học sinh ở Chợ Lớn. Vì khí khái đặc lập, bà là một y sĩ người Pháp gây khó dễ. Cách cư xử của bà bị phản ứng dữ dội, không ai muốn làm việc với bà. Sau đó, bà chuyển sang làm việc tại Bệnh viện Quốc tế Sài Gòn, nơi mà bà được chào đón nồng nhiệt.

Cũng trong năm 1935, bà lập gia đình với luật sư Võ Thị Quang Nhàn[3], Tiến sĩ Luật khoa đầu tiên của người Việt, một đồng viên Đời học Lập hiến Đông Dương. Tuy nhiên chưa kịp kết hôn, hai người ly hôn vì khác biệt trong cách sống. Bởi vậy, việc một người đàn bà ra tòa xin ly dị chặng vào lúc đó đặc biệt ở Việt Nam xem như là một chuyện không thèm tin đồn,

nh^ăt là m^ăt ng^ăo i trong gia đìn^ăh danh giá nh^ăo gia đìn^ăh ông Bùi Quang Chiêu.

Cu^ăi năm 1945, m^ăt s^ă ki^ăn b^ăt h^ănh h^ăp đ^ăn gia đìn^ăh bà. Thân ph^ă và 3 ng^ăo i anh em trai c^ăa bà b^ă nh^ăng ph^ăn t^ă quá khích c^ăa Vi^t Minh k^ăt t^ăi ph^ăn qu^ăc và th^ă tiêu. Ng^ăo i b^ăn thân thi^ăt c^ăa bà là K^ă s^ă Nguy^ăn Ng^ăc Bích, b^ăy gi^ă đang gi^ă ch^ăc Khu b^ăn phó Vi^t Minh b^ăn chính quy^ăn Pháp b^ăt đ^ăo c^ăvà b^ăt k^ăt án t^ă hình. Nh^ăo s^ă v^ăn đ^ăng c^ăa bà và các b^ăn bè cũ t^ăi Pháp, K^ă s^ă Nguy^ăn Ng^ăc Bích thoát án, nh^ăng ph^ăi r^ăi kh^ăi Vi^t Nam và sang s^ăng t^ăi Pháp. V^ăsau, ông bà s^ăng v^ăi nhau nh^ăo v^ăo ch^ăng cho đ^ăn khi ông qua đ^ăi.

M^ăt đóng góp đáng k^ă n^ăa c^ăa n^ăb^{ác} sⁱ Henriette Bùi Quang Chiêu là vi^cc hi^ăn t^ăng bi^ăt th^ă t^ă gia c^ăa bà s^ă 28 đ^ăo c^ăng Testard[4] làm c^ă s^ă cho Tr^ăng Đ^ăi h^ăc Y khoa Sài Gòn thu^ăc Vi^t Nam Đ^ăi h^ăc Sài Gòn.[5]

Năm 1971 bà sang l^ăi Pháp hành ngh^ăy cho đ^ăn khi v^ăo h^ău năm 1976.

Cu^ăi đ^ăi

Năm 2011, đ^ă 105 tu^ăi, bà v^ăn còn kho^ă và minh m^ăn [6]. Bà m^ăt ngày 27 tháng 4 năm 2012 t^ăi Paris, th^ă 105 tu^ăi.[7]

Tham kh^ăo

[^] Nguyên H^ăng Nguy^ăn Cúc. Sài-gòn 300 năm cũ. Dallas: Ti^ăng Sông H^ăng, 1999. tr 248

[^] "Colonial Cholon"

[^] Gisele Bousquet và Pierre Brocheux. Vi^t-Nam Exposé. Ann Arbor, MI: University of Michigan, 2002. tr 290-308

[^] Sau năm 1955 đ^ăi là đ^ăo c^ăng Tr^ăn Quý Cáp

[^] L^ăch s^ă Tr^ăng Đ^ăi h^ăc Y khoa Sài Gòn

[^] Thăm n^ăb^{ác} sⁱ Vi^t đ^ău ti^{ên} t^ăi Pháp - Henriette Bùi Quang Chiêu

[^] N^ăb^{ác} sⁱ đ^ău ti^{ên} c^ăa Vi^t Nam d^ă t^ă th^ă